

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỔ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ VỀ BÁO CHÍ ĐỢT 1 NĂM 2025

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ về báo chí đợt 1 năm 2025 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 2281-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Nghiệp vụ về báo chí.
Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 16/02/2025 đến ngày 13/4/2025.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
1	Nguyễn Xuân An	06.8.1974	Hải Phòng	Nam	Kinh	HBT/BD 004114	NVBC01/2025.01	
2	Hoàng Thục Anh	30.7.1992	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	HBT/BD 004115	NVBC01/2025.02	
3	Nguyễn Hà Anh	21.10.2001	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004116	NVBC01/2025.03	
4	Nguyễn Thị Vân Anh	06.5.1988	Phú Thọ	Nữ	Kinh	HBT/BD 004117	NVBC01/2025.04	
5	Lý Quỳnh Anh	22.10.1989	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004118	NVBC01/2025.05	
6	Nguyễn Vân Anh	26.01.1976	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004119	NVBC01/2025.06	
7	Đình Minh Châu	13.11.2003	Ninh Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 004120	NVBC01/2025.07	
8	Nguyễn Linh Chi	14.02.2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BD 004121	NVBC01/2025.08	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
9	Khổng Tiến Chí	07.01.1990	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	HBT/BD 004122	NVBC01/2025.09	
10	Từ Như Cường	08.3.2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	HBT/BD 004123	NVBC01/2025.10	
11	Đào Trần Xuân Diệu	12.10.2001	Bình Định	Nữ	Kinh	HBT/BD 004124	NVBC01/2025.11	
12	Nguyễn Văn Đức	23.6.1991	Quảng Trị	Nam	Kinh	HBT/BD 004125	NVBC01/2025.12	
13	Nông Văn Đức	01.7.2004	Thái Nguyên	Nam	Tày	HBT/BD 004126	NVBC01/2025.13	
14	Hoàng Minh Đức	06.11.1999	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004127	NVBC01/2025.14	
15	Nguyễn Khắc Đức	04.9.2000	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BD 004128	NVBC01/2025.15	
16	Vũ Thùy Dung	04.8.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004129	NVBC01/2025.16	
17	Nguyễn Chí Dũng	22.8.1990	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004130	NVBC01/2025.17	
18	Nguyễn Thị Châu Giang	18.01.2004	Cao Bằng	Nữ	Tày	HBT/BD 004131	NVBC01/2025.18	
19	Triệu Hương Giang	29.01.2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004132	NVBC01/2025.19	
20	Tô Vân Giang	19.10.2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004133	NVBC01/2025.20	
21	Phạm Thị Hải Hà	03.11.1989	Hưng Yên	Nữ	Kinh	HBT/BD 004134	NVBC01/2025.21	
22	Bùi Chí Hải	02.5.1990	Vĩnh Long	Nam	Kinh	HBT/BD 004135	NVBC01/2025.22	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
23	Nguyễn Thị Thanh Hằng	04.4.1984	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BD 004136	NVBC01/2025.23	
24	Trần Thị Mỹ Hạnh	31.01.1987	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	HBT/BD 004137	NVBC01/2025.24	
25	Bùi Thị Thu Hiền	29.8.2000	Quảng Ninh	Nữ	Sán Diu	HBT/BD 004138	NVBC01/2025.25	
26	Nguyễn Văn Hiệu	18.12.1983	Hải Phòng	Nam	Kinh	HBT/BD 004139	NVBC01/2025.26	
27	Nguyễn Huy Hoàng	29.5.1990	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BD 004140	NVBC01/2025.27	
28	Đào Tiến Hoàng	13.10.2003	Nam Định	Nam	Kinh	HBT/BD 004141	NVBC01/2025.28	
29	Nguyễn Văn Học	16.8.1981	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004142	NVBC01/2025.29	
30	Trần Quốc Hưng	11.8.1999	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004143	NVBC01/2025.30	
31	Nguyễn Quang Hưng	05.8.2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BD 004144	NVBC01/2025.31	
32	Vũ Xuân Huy	17.9.1987	Hải Phòng	Nam	Kinh	HBT/BD 004145	NVBC01/2025.32	
33	Nguyễn Thị Huyền	24.9.1985	Hòa Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 004146	NVBC01/2025.33	
34	Lê Văn Khánh	29.6.1984	Nghệ An	Nam	Kinh	HBT/BD 004147	NVBC01/2025.34	
35	Trịnh Ngọc Khánh	19.12.2004	Hải Phòng	Nữ	Kinh	HBT/BD 004148	NVBC01/2025.35	
36	Cao Quốc Khánh	02.9.1986	Vĩnh Long	Nam	Kinh	HBT/BD 004149	NVBC01/2025.36	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
37	Nguyễn Trần Phương Linh	23.9.2004	Nam Định	Nữ	Kinh	HBT/BD 004150	NVBC01/2025.37	
38	Lê Thị Bích Loan	24.4.1993	Tây Ninh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004151	NVBC01/2025.38	
39	Nguyễn Ngọc Thảo Minh	26.4.2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	HBT/BD 004152	NVBC01/2025.39	
40	Nguyễn Quang Minh	09.8.2004	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004153	NVBC01/2025.40	
41	Lê Thảo Minh	30.9.2000	Hải Dương	Nữ	Kinh	HBT/BD 004154	NVBC01/2025.41	
42	Nguyễn Ngọc Trà My	12.8.2005	Phú Thọ	Nữ	Kinh	HBT/BD 004155	NVBC01/2025.42	
43	Phạm Hoài Nam	12.11.1981	Long An	Nam	Kinh	HBT/BD 004156	NVBC01/2025.43	
44	Trần Thảo Ngân	03.7.2001	Tây Ninh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004157	NVBC01/2025.44	
45	Nguyễn Phúc Bảo Ngọc	31.7.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	HBT/BD 004158	NVBC01/2025.45	
46	Dương Thị Nguyệt	18.8.1993	Hải Phòng	Nữ	Kinh	HBT/BD 004159	NVBC01/2025.46	
47	Nguyễn Thị Thanh Nhân	09.3.2005	Hà Giang	Nữ	Kinh	HBT/BD 004160	NVBC01/2025.47	
48	Nguyễn Vi Nhật	29.3.2002	Tuyên Quang	Nữ	Tày	HBT/BD 004161	NVBC01/2025.48	
49	Nghiêm Đăng Huyền Như	28.9.2003	Đồng Nai	Nữ	Kinh	HBT/BD 004162	NVBC01/2025.49	
50	Phan Thị Quỳnh Như	14.12.1994	Đồng Nai	Nữ	Kinh	HBT/BD 004163	NVBC01/2025.50	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
51	Trần Thị Tố Như	03.6.2005	Tây Ninh	Nữ	Kinh	HBT/BD 004164	NVBC01/2025.51	
52	Nguyễn Mai Phương	04.11.2005	Hưng Yên	Nữ	Kinh	HBT/BD 004165	NVBC01/2025.52	
53	Hà Thị Thu Phương	05.10.1990	Ninh Bình	Nữ	Kinh	HBT/BD 004166	NVBC01/2025.53	
54	Vũ Thị Quyên	04.9.1985	Yên Bái	Nữ	Kinh	HBT/BD 004167	NVBC01/2025.54	
55	Lê Quốc Sỹ	28.8.2004	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004168	NVBC01/2025.55	
56	Nguyễn Thị Thảo	09.8.1995	Hải Dương	Nữ	Kinh	HBT/BD 004169	NVBC01/2025.56	
57	Huỳnh Thị Ngọc Thơ	29.3.1988	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	HBT/BD 004170	NVBC01/2025.57	
58	Nguyễn Thị Thùy	18.3.1984	Nam Định	Nữ	Kinh	HBT/BD 004171	NVBC01/2025.58	
59	Đặng Ngọc Tiên	06.01.1992	Nghệ An	Nam	Kinh	HBT/BD 004172	NVBC01/2025.59	
60	Nguyễn Thị Kiều Trinh	14.10.2002	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	HBT/BD 004173	NVBC01/2025.60	
61	Nguyễn Thành Trung	21.01.1976	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004174	NVBC01/2025.61	
62	Đỗ Xuân Trường	23.10.1977	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004175	NVBC01/2025.62	
63	Vũ Đức Tuấn	17.12.2000	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	HBT/BD 004176	NVBC01/2025.63	
64	Nguyễn Anh Tùng	19.10.2006	Hà Nội	Nam	Kinh	HBT/BD 004177	NVBC01/2025.64	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
65	Phạm Đình Tuyên	03.12.1985	Thanh Hóa	Nam	Kinh	HBT/BD 004178	NVBC01/2025.65	
66	Lương Ánh Tuyết	12.8.2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	HBT/BD 004179	NVBC01/2025.66	
67	Lê Thị Phương Uyên	12.7.2005	Bình Dương	Nữ	Kinh	HBT/BD 004180	NVBC01/2025.67	
68	Bùi Thị Hồng Vân	05.7.2004	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	HBT/BD 004181	NVBC01/2025.68	
69	Bồ Thị Vinh	04.02.1956	Nam Định	Nữ	Kinh	HBT/BD 004182	NVBC01/2025.69	
70	Lê Huỳnh Hải Yến	02.11.2001	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	HBT/BD 004183	NVBC01/2025.70	

Tổng số: 70 chứng chỉ.

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2025

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang